

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Ngô Phương Chí	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính - Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm


Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Số: ~~MT~~ /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 20. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		648.520.449.076	519.011.533.323
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.508.768.492	194.842.160.358
1. Tiền	111		7.207.833.278	10.987.185.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.300.935.214	183.854.974.724
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.512.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		45.512.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.309.101.076	84.998.020.014
1. Phải thu khách hàng	131		112.821.823.387	59.749.449.623
2. Trả trước cho người bán	132	6	59.821.606.612	23.060.586.543
3. Các khoản phải thu khác	135		9.326.639.826	5.444.254.011
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.660.968.749)	(3.256.270.163)
IV. Hàng tồn kho	140	7	366.792.467.824	224.724.804.429
1. Hàng tồn kho	141		366.792.467.824	224.724.804.429
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.398.111.684	14.446.548.522
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.050.667.148	4.065.123.131
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.981.960.135	7.125.786.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150.000.000	150.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.215.484.401	3.105.638.709
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		151.146.038.346	150.466.250.952
I. Tài sản cố định	220		143.709.144.249	139.670.662.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	121.135.398.369	116.336.316.374
- Nguyên giá	222		226.767.758.684	214.814.173.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.632.360.315)	(98.477.856.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	22.573.745.880	23.334.345.932
- Nguyên giá	228		37.465.687.876	37.183.200.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.891.941.996)	(13.848.854.829)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.023.200.000	4.023.200.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.023.200.000	4.023.200.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.413.694.097	6.772.388.646
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.636.212.520	5.629.065.549
2. Tài sản dài hạn khác	268		777.481.577	1.143.323.097
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		799.666.487.422	669.477.784.275

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		183.544.552.801	94.780.127.917
I. Nợ ngắn hạn	310		167.368.203.457	77.797.723.416
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	71.208.119.096	900.000.000
2. Phải trả người bán	312		54.849.660.776	26.266.011.001
3. Người mua trả tiền trước	313		6.501.350.288	3.057.352.309
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	26.066.243.408	35.132.525.246
5. Phải trả người lao động	315		5.609.497.992	9.586.759.787
6. Chi phí phải trả	316		741.426.173	340.509.115
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.391.905.724	2.514.565.958
II. Nợ dài hạn	330		16.176.349.344	16.982.404.501
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.776.349.344	2.582.404.501
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	12	14.400.000.000	14.400.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		615.054.016.119	573.577.804.137
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	615.054.016.119	573.577.804.137
1. Vốn điều lệ	411		229.919.860.000	153.279.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.000.000.000	191.000.000.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		7.330.388.695	3.501.804.790
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		186.803.767.424	225.796.039.347
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.067.918.502	1.119.852.221
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		799.666.487.422	669.477.784.275



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng	01	14	337.020.714.621	175.914.081.788
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	989.449.554	380.502.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	14	336.031.265.067	175.533.578.827
4. Giá vốn hàng bán	11	15	202.481.850.600	104.536.014.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		133.549.414.467	70.997.564.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	13.421.699.139	5.505.553.825
7. Chi phí tài chính	22	17	5.148.380.017	6.557.502.796
8. Chi phí bán hàng	24		24.416.462.416	17.121.005.025
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.538.038.047	18.895.585.293
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		91.868.233.126	33.929.025.336
11. Thu nhập khác	31		1.186.415.152	1.412.778.020
12. Chi phí khác	32		663.976.789	567.130.174
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		522.438.363	845.647.846
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		92.390.671.489	34.774.673.182
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	19.536.999.689	6.978.049.713
16. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		72.853.671.800	27.796.623.469
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		50.214.350	(48.541.662)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		72.803.457.450	27.845.165.131
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	3.166	2.570



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MÃ SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	92.390.671.489	34.774.673.182
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.232.659.181	5.525.338.235
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.707.085.344)	-
Chi phí lãi vay	06	965.249.158	104.855.579
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	99.881.494.484	40.404.866.996
(Tăng) các khoản phải thu	09	(100.655.111.598)	(25.546.181.657)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(142.067.663.395)	(55.231.228.294)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.135.509.694	15.222.912.392
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(5.443.705.846)	(6.286.623.429)
Tiền lãi vay đã trả	13	(379.423.488)	(104.855.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(26.864.522.327)	(12.890.401.553)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.527.522.975)	(241.908.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(151.920.945.451)	(44.673.420.045)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(12.420.303.891)	(11.941.531.715)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.512.000.000)	(26.095.625.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	3.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.051.115.880	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.881.188.011)	(38.037.156.715)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.608.119.096	20.545.691.215
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	(28.491.808.615)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(29.839.377.500)	(10.420.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.468.741.596	(18.366.157.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(158.333.391.866)	(101.076.734.160)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	194.842.160.358	130.783.252.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	602.146.759
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	36.508.768.492	30.308.665.463



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.138 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.032).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với số vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	04 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 5 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ tám Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	141.860.751	309.803.568
Tiền gửi ngân hàng	7.065.972.527	10.677.382.066
Các khoản tương đương tiền (*)	29.300.935.214	183.854.974.724
	36.508.768.492	194.842.160.358

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Số dư trả trước cho người bán chủ yếu bao gồm khoản ứng trước cho nhà cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa và các khoản ứng trước sau:

- Ứng trước cho Công ty Cổ phần Bất động sản An Việt theo Hợp đồng góp vốn đầu tư ngày 25 tháng 3 năm 2011 để góp vốn vào dự án Đại đồng Kinh Bắc tại tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị vốn góp của Công ty vào dự án là 7.473.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 4.483.800.000 VND vào dự án.
- Ứng trước cho Công ty TNHH Một thành viên Keangnam-Vina theo Hợp đồng cho thuê dài hạn mặt bằng bán lẻ khu căn hộ ký ngày 14 tháng 3 năm 2011. Thời hạn thuê được bắt đầu vào ngày bàn giao và kết thúc vào ngày 29 tháng 6 năm 2057. Giá trị hợp đồng là 8.765.400.000 VND, tương đương 449.508 USD. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, hai bên chưa tiến hành bàn giao diện tích thuê. Theo điều khoản của hợp đồng, Công ty đã ứng trước 100% giá trị hợp đồng là 449.508 USD, tương đương 9.641.940.000 VND.
- Ứng trước cho Công ty Cổ phần Nguyên Hồng theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ngày 17 tháng 6 năm 2011. Theo điều khoản của hợp đồng, hai bên thực hiện việc chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Giá trị tài sản chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND. Theo điều khoản của hợp đồng, Công ty đã ứng trước 100% giá trị hợp đồng. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, hai bên chưa thực hiện xong các thủ tục chuyển nhượng tài sản và các giá trị đã đầu tư trên đất.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	13.002.491.763	1.425.944.332
Nguyên liệu, vật liệu	213.387.539.282	132.533.785.216
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.913.647.823	3.987.532.657
Thành phẩm	130.459.582.021	81.601.387.686
Hàng hoá	2.896.546.569	4.918.750.804
Hàng gửi đi bán	4.132.660.366	257.403.734
	366.792.467.824	224.724.804.429

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	42.871.156.276	151.343.986.059	5.552.216.830	13.017.436.702	2.029.377.405	214.814.173.272
Tăng trong kỳ	-	11.685.516.776	452.300.000	-	-	12.137.816.776
Giảm trong kỳ	-	-	157.081.364	-	27.150.000	184.231.364
Tại ngày 30/6/2011	42.871.156.276	163.029.502.835	5.847.435.466	13.017.436.702	2.002.227.405	226.767.758.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	17.172.726.967	74.039.042.341	4.159.395.750	2.349.768.575	756.923.265	98.477.856.898
Trích vào chi phí trong kỳ	743.567.610	5.174.515.285	526.408.697	482.813.353	262.267.069	7.189.572.014
Giảm trong kỳ	-	-	30.543.597	-	4.525.000	35.068.597
Tại ngày 30/6/2011	17.916.294.577	79.213.557.626	4.655.260.850	2.832.581.928	1.014.665.334	105.632.360.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	24.954.861.699	83.815.945.209	1.192.174.616	10.184.854.774	987.562.071	121.135.398.369
Tại ngày 31/12/2010	25.698.429.309	77.304.943.718	1.392.821.080	10.667.668.127	1.272.454.140	116.336.316.374

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với giá trị là 30.681.408.963 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 30.668.751.463 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông, công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với tổng giá trị là 47.531.318.779 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.274.119.189	583.081.572	37.183.200.761
Tăng trong kỳ	-	-	178.675.000	103.812.115	282.487.115
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.452.794.189	686.893.687	37.465.687.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	8.779.523.694	4.216.961.545	579.307.519	273.062.071	13.848.854.829
Trích vào chi phí trong kỳ	613.124.010	258.181.320	92.596.927	79.184.910	1.043.087.167
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2011	9.392.647.704	4.475.142.865	671.904.446	352.246.981	14.891.941.996
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	14.101.852.296	3.356.357.135	4.780.889.743	334.646.706	22.573.745.880
Tại ngày 31/12/2010	14.714.976.306	3.614.538.455	4.694.811.670	310.019.501	23.334.345.932

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	41.706.519.666	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	20.852.744.590	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	8.048.854.840	-
Ông Lee Kyu Sung	600.000.000	900.000.000
	71.208.119.096	900.000.000

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện các khoản vay sau:

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (“Ngân hàng ANZ”) theo tiện ích có thể rút bằng đồng USD với hạn mức tiện ích không vượt quá 1.800.000 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

(a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho tại Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;

(b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và

(c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.

Mục đích của khoản vay nhằm hỗ trợ Công ty mua nguyên vật liệu hoặc để thanh toán các thư tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành. Kỳ hạn tối đa cho mỗi lần rút vốn là 150 ngày, lãi suất của bất kỳ khoản vay nào được cấp theo tiện ích này bằng 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cấp tín dụng với hạn mức tín dụng 120 tỷ đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa và các chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các mục đích khác. Khoản vay được đảm bảo tài sản thế chấp, cầm cố là công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 39.346.891.000 VND theo các hợp đồng thế chấp cầm cố. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 6 tháng/khế ước. Lãi suất vay cố định cho từng giấy nhận nợ, theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ.
- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp toàn bộ nguyên vật liệu và thành phẩm để sản xuất chăn ga gối đệm tại kho Hà Nội. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 6 tháng/khế ước. Lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND/USD kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của VIB + lãi biên tối thiểu 1,5%/năm.
- Khoản vay ngắn hạn của ông Lee Kyu Sung, lãi suất 0,8%/tháng và không được đảm bảo.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	569.432.371	1.232.761.553
Thuế xuất, nhập khẩu	600.339.606	1.484.199.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.129.399.761	30.456.922.399
Thuế thu nhập cá nhân	1.712.108.569	1.903.678.979
Các loại thuế khác	54.963.101	54.963.100
	26.066.243.408	35.132.525.246

12. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 2 tháng 3 năm 2011, Công ty đã trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% lợi nhuận trước thuế của năm 2010 tương ứng với số tiền là 14.400.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	107.200.000.000	71.000.000.000	1.148.026.429	-	155.447.728.784	334.795.755.213
Phát hành cổ phiếu mới	30.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	16.079.960.000	-	-	-	(16.079.960.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	102.219.431.967	102.219.431.967
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4.484.454.789	(4.484.454.789)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(10.720.040.000)	(10.720.040.000)
Giảm khác	-	-	(1.148.026.429)	(982.649.999)	(586.666.615)	(2.717.343.043)
Số dư tại ngày 01/01/2011	153.279.960.000	191.000.000.000	-	3.501.804.790	225.796.039.347	573.577.804.137
Phát hành cổ phiếu mới (i)	76.639.900.000	-	-	-	(76.639.900.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	72.803.457.450	72.803.457.450
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (ii)	-	-	-	5.118.583.905	(5.118.583.905)	-
Cổ tức đã chia (iii)	-	-	-	-	(30.655.992.000)	(30.655.992.000)
Tăng khác	-	-	-	-	618.746.532	618.746.532
Giảm khác	-	-	-	(1.290.000.000)	-	(1.290.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2011	229.919.860.000	191.000.000.000	-	7.330.388.695	186.803.767.424	615.054.016.119

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty được phê duyệt tăng thêm 50% thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ cổ phiếu thưởng là 50%.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ tăng thêm 5.118.583.805 VND, trích 5% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng/cổ phiếu). Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 29.517.993.700 VND trong kỳ. Phần cổ tức còn lại với số tiền 1.137.998.300 VND chưa được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 17 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 229.919.860.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 30/6/2011	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	16,21%	3.726.000	37.260.000.000	16,21%	37.260.000.000
Quỹ Đầu tư Red River Holdings	12,48%	2.869.500	28.695.000.000	12,48%	28.695.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	9,00%	2.070.000	20.700.000.000	9,00%	20.700.000.000
Quỹ thành viên Việt Nhật	6,52%	1.500.000	15.000.000.000	6,52%	15.000.000.000
Các cổ đông khác	55,79%	12.826.486	128.264.860.000	55,79%	128.264.860.000
	100%	22.991.986	229.919.860.000	100%	229.919.860.000

14. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu thành phẩm chăn gà, độn	189.088.157.685	91.434.908.779
Doanh thu thành phẩm bông	113.391.384.769	67.375.216.039
Doanh thu chăn bông	27.057.590.165	11.883.574.822
Doanh thu bán hàng hóa khác	7.483.582.002	5.220.382.148
Tổng	337.020.714.621	175.914.081.788
Các khoản giảm trừ doanh thu	989.449.554	380.502.961
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>989.449.554</i>	<i>380.502.961</i>
Doanh thu thuần	336.031.265.067	175.533.578.827

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Giá vốn thành phẩm chăn gà, độn	86.053.284.264	67.749.310.884
Giá vốn thành phẩm bông	81.179.221.175	29.252.566.205
Giá vốn chăn bông	21.104.809.150	6.844.833.726
Giá vốn bán hàng hóa khác	14.144.536.011	689.303.387
	202.481.850.600	104.536.014.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi	9.706.770.046	3.219.578.102
Cổ tức được chia	51.431.178	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.663.497.915	2.285.975.723
	13.421.699.139	5.505.553.825

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền vay	965.249.158	104.855.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.183.130.859	6.452.647.217
	5.148.380.017	6.557.502.796

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	92.390.671.489	34.774.673.182
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	83.737.563.123	34.890.248.567
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	8.653.108.366	(115.575.385)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	51.431.178	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.114.249.296	-
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh	86.527.454.249	34.890.248.567
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác	8.926.035.358	(115.575.385)
Thuế suất đối với hoạt động kinh doanh	20%	20%
Thuế suất đối với hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.536.999.689	6.978.049.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.536.999.689	6.978.049.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	72.803.457.450	27.845.165.131
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	22.991.986	10.836.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.166	2.570
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trong kỳ Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng. Số lượng cổ phiếu thưởng này được coi như tăng từ đầu năm.

20. CAM KẾT ĐẦU TƯ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có cam kết đầu tư xây dựng nhà xưởng tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với số tiền là 126.786.230.000 VND.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u> VND	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u> VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	8.950.625.865	4.727.254.713

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính